

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN



QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tp. Hồ Chí Minh, ngày _ tháng _ năm 2026

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| CHƯƠNG I..... | 5 |
| CÁC QUY ĐỊNH CHUNG | 5 |
| Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng..... | 5 |
| Điều 2. Định nghĩa..... | 5 |
| CHƯƠNG II..... | 5 |
| CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | 5 |
| Điều 3. Quan hệ giữa Công ty với Cổ đông và Cổ đông lớn..... | 5 |
| Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông..... | 6 |
| Điều 5. Hình thức tổ chức họp và thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông..... | 6 |
| Điều 6. Thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp | 6 |
| Điều 7. Thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp trực tuyến hoặc họp trực tiếp kết hợp trực tuyến..... | 7 |
| Điều 8. Thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản..... | 7 |
| Điều 9. Báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên | 7 |
| CHƯƠNG III | 8 |
| HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 8 |
| Điều 10. Thành viên Hội đồng quản trị | 8 |
| Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị | 9 |
| Điều 12. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị..... | 10 |
| Điều 13. Chủ tịch Hội đồng quản trị | 11 |
| Điều 14. Thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp | 12 |
| Điều 15. Thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 13 |
| CHƯƠNG IV..... | 14 |
| CÁC ỦY BAN, TIỂU BAN VÀ BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, VÀ CÁC BỘ PHẬN GIÚP VIỆC KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... | 14 |
| Điều 16. Nguyên tắc hoạt động của các Ủy ban, Tiểu ban và Ban thuộc Hội đồng quản trị..... | 14 |

| | |
|---|-----------|
| Điều 17. Ủy ban kiểm toán..... | 14 |
| Điều 18. Các Ủy ban, Tiểu ban và Ban khác thuộc Hội đồng quản trị..... | 16 |
| Điều 19. Văn phòng Hội đồng quản trị, các cơ quan và bộ phận giúp việc khác..... | 16 |
| Điều 20. Người phụ trách quản trị công ty..... | 17 |
| CHƯƠNG V..... | 17 |
| TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN GIÁM ĐỐC..... | 17 |
| Điều 21. Tổng Giám đốc..... | 17 |
| Điều 22. Ban Giám đốc..... | 18 |
| CHƯƠNG VI..... | 19 |
| PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... | 19 |
| VÀ MỘT SỐ CHỦ THỂ KHÁC..... | 19 |
| Điều 23. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và các thành viên Ban Giám đốc..... | 19 |
| Điều 24. Phối hợp hoạt động giữa các Ủy ban, Tiểu ban và Ban khác của Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc..... | 21 |
| Điều 25. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và hội đồng quản trị/hội đồng thành viên của công ty con..... | 21 |
| Điều 26. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác..... | 21 |
| Điều 27. Khen thưởng và kỷ luật..... | 22 |
| CHƯƠNG VII..... | 22 |
| CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT..... | 22 |
| Điều 28. Các hoạt động giám sát..... | 22 |
| CHƯƠNG VIII..... | 23 |
| CÔNG BỐ THÔNG TIN..... | 23 |
| Điều 29. Công bố thông tin..... | 23 |
| CHƯƠNG IX..... | 23 |
| QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN HỮU QUAN..... | 23 |
| Điều 30. Nguyên tắc quan hệ với các bên hữu quan..... | 23 |
| CHƯƠNG X..... | 24 |
| PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG..... | 24 |
| Điều 31. Xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp..... | 24 |
| Điều 32. Khung quản trị ESG..... | 24 |

| | |
|--|-----------|
| CHƯƠNG XI..... | 24 |
| QUẢN TRỊ RỦI RO..... | 24 |
| Điều 33. Nguyên tắc quản trị rủi ro | 24 |
| Điều 34. Giám sát và đánh giá độc lập hệ thống quản lý rủi ro | 25 |
| CHƯƠNG XII..... | 25 |
| VAI TRÒ CỦA CÔNG TY TRONG NHÓM CÔNG TY..... | 25 |
| Điều 35. Quản lý công ty con, công ty liên kết | 25 |
| CHƯƠNG XIII | 26 |
| ĐIỀU KHOẢN KHÁC..... | 26 |
| Điều 36. Sửa đổi, bổ sung Quy chế..... | 26 |
| Điều 37. Điều khoản thi hành | 26 |

CHƯƠNG I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định những nguyên tắc quản trị cơ bản về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các Ủy ban, Tiểu ban, Ban thuộc Hội đồng quản trị, Văn phòng Hội đồng quản trị và thành viên Ban Giám đốc; các vấn đề về quản trị công ty và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, thành viên Ban Giám đốc và những người liên quan khác.

Điều 2. Định nghĩa

Trừ trường hợp được định nghĩa khác trong Quy chế này, các thuật ngữ viết hoa sẽ có nghĩa tương tự như đã được định nghĩa tại Điều lệ.

- “**Văn phòng Hội đồng quản trị**” là bộ phận được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị, để giúp việc cho Hội đồng quản trị, chủ tịch Hội đồng quản trị và các Ủy ban, Tiểu ban và Ban thuộc Hội đồng quản trị.
- “**Quy chế**” là Quy chế nội bộ về quản trị công ty này.
- “**Ngày làm việc**” là các ngày trong tuần, trừ thứ bảy, chủ nhật và những ngày lễ, ngày nghỉ khác theo các quy định pháp luật và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quan hệ giữa Công ty với Cổ đông và Cổ đông lớn

- 3.1. Công ty tôn trọng các Cổ đông và bảo đảm lợi ích hợp pháp của tất cả Cổ đông của Công ty.
- 3.2. Hội đồng quản trị thiết lập và duy trì mối quan hệ thường xuyên với các Cổ đông và nhà đầu tư của Công ty; xử lý kịp thời và minh bạch các kiến nghị của Cổ đông, bảo đảm duy trì mối quan hệ tốt đẹp giữa Công ty và các Cổ đông của Công ty; và bảo đảm hoạt động hiệu quả vì lợi ích hợp pháp của Cổ đông.
- 3.3. Công ty tổ chức các buổi gặp gỡ và trao đổi với Cổ đông, đặc biệt là Cổ đông lớn, để tiếp nhận các góp ý, tham vấn từ Cổ đông.
- 3.4. Buổi gặp gỡ và trao đổi với Cổ đông được tổ chức tại trụ sở chính của Công ty hoặc địa chỉ phù hợp khác do Công ty quyết định, nhưng bảo đảm người đại diện Công ty có thể nghe được đầy đủ ý kiến của Cổ đông.

- 3.5. Các góp ý, tham vấn của Cổ đông phải được ghi chép đầy đủ và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền trong Công ty.

Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 4.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- 4.2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Khoản 1, Điều 28 và Khoản 1, Điều 29 của Điều lệ.

Điều 5. Hình thức tổ chức họp và thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- 5.1. Hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức bằng hình thức họp trực tiếp, họp trực tiếp kết hợp trực tuyến, họp trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.

- 5.2. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng cách biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp, cuộc họp trực tuyến hoặc cuộc họp trực tiếp kết hợp trực tuyến, hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quyết định của Hội đồng quản trị.

- 5.3. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin và Điều lệ, và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 6. Thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp theo quy định tại Điều lệ và Quy chế này.

- 6.2. Trình tự, thủ tục triệu tập, tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông và thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp được thực hiện theo Điều 28, 30, 31, 32 của Điều lệ.

- 6.3. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp

- a) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 9 Điều 22 của Điều lệ có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6, Điều 30 của Điều lệ.
- b) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không cần tuân thủ quy định tại Khoản 5 và Khoản 6, Điều 30 của Điều lệ nếu kiến nghị được gửi đến không đúng quy định, nhưng phải giải thích lý do từ chối kiến nghị.

- 6.4. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu

Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị quyết định và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6.5. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông có đầy đủ nội dung theo Khoản 1, Điều 33 của Điều lệ.

Điều 7. Thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp trực tuyến hoặc họp trực tiếp kết hợp trực tuyến

- 7.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng biểu quyết tại cuộc họp trực tuyến hoặc họp trực tiếp kết hợp trực tuyến.
- 7.2. Hội đồng quản trị quyết định Quy chế tổ chức họp và biểu quyết tương ứng theo hình thức cuộc họp, và không trái quy định pháp luật.
- 7.3. Hội đồng quản trị có quyền quyết định lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ họp trực tuyến phù hợp để tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông qua nghị quyết theo các phương thức nêu trên.

Điều 8. Thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản

- 8.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất kỳ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại Khoản 2, Điều 147 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 1, Điều 29 của Điều lệ.
- 8.2. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo Điều 34 của Điều lệ.
- 8.3. Hội đồng quản trị trình bày các quy định cụ thể để hướng dẫn Cổ đông biểu quyết trên các phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 9. Báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

- 9.1. Các báo cáo tối thiểu phải được báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm:
 - a) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị: do Hội đồng quản trị báo cáo và phải có các nội dung tối thiểu được quy định tại Khoản 6 Điều 36 của Điều lệ.
 - b) Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán: do thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán báo cáo và phải có các nội dung tối thiểu được quy định tại Điều 48 của Điều lệ.
 - c) Báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị của từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị: do Trưởng thành viên độc lập Hội đồng quản trị đại diện báo cáo, dựa trên nội dung đánh giá về hoạt động

của Hội đồng quản trị và của từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong năm tài chính được các thành viên độc lập Hội đồng quản trị chuẩn bị.

- d) Báo cáo về tình hình thực hiện các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm tài chính, những vướng mắc và kiến nghị: do Hội đồng quản trị báo cáo.

9.2. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết để thông qua các báo cáo nêu trên tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Thành viên Hội đồng quản trị

10.1. Số lượng và nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3, Điều 36 của Điều lệ.

10.2. Đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị

- a) Đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số Cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 38 của Điều lệ.

Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng viên theo quy định tại Điều lệ, Quy chế này và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

- b) Bầu thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị được bầu theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc biểu quyết theo quy định tại Khoản 4, Điều 32 của Điều lệ và Quy chế bầu cử do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- c) Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc thay thế trong các trường hợp được quy định tại Khoản 5, 6, 7, 8, Điều 38 của Điều lệ.

10.3. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là Cổ đông của Công ty và phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Khoản 1, Điều 38 của Điều lệ, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác.

Các thành viên Hội đồng quản trị phải có sự đa dạng và cân bằng về quan điểm, chuyên môn, năng lực, giới tính, tuổi tác và phù hợp với vai trò và trách nhiệm mà mình đảm nhận.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải phù hợp với quy định pháp luật.

10.4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Điều lệ.

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

11.1. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị

Ngoài các quyền theo quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế này, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị có các quyền sau đây nhưng phải tuân thủ các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty:

- a) Yêu cầu Tổng Giám đốc hoặc thành viên Ban Giám đốc cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và tuân thủ các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty về cung cấp thông tin. Người được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị và tuân thủ các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty về cung cấp thông tin;
- b) Đến các địa điểm làm việc của Công ty trong giờ làm việc và kiểm tra, giám sát;
- c) Tiếp xúc, trao đổi để làm việc với thành viên Ban Giám đốc; và
- d) Tham dự các cuộc họp của thành viên Ban Giám đốc.

11.2. Nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

Ngoài các nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế này, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị có các nghĩa vụ và trách nhiệm sau đây:

- a) Công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
- b) Kê khai thông tin về lợi ích và Người có liên quan theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- c) Bảo mật các thông tin và tài liệu được cung cấp theo quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều này theo quy định pháp luật và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- d) Tự nâng cao năng lực cá nhân, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và trách nhiệm do Hội đồng quản trị phân công, tích cực đóng góp vào hoạt

động của Hội đồng quản trị và các Ban, Tiểu ban, Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị.

11.3. Chi phí hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị

- a) Chi phí hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị được chi trả theo định mức và cách thức được quy định tại các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- b) Chi phí hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

11.4. Thù lao, tiền thưởng và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- a) Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị trên cơ sở tổng ngân sách hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tương xứng với (i) thời gian làm việc, đóng góp và khối lượng công việc thực hiện; (ii) kết quả hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị; (iii) vai trò và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị; và (iv) các tiêu chí khác do Hội đồng quản trị quyết định;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị được nhận tiền thưởng phụ thuộc vào kết quả kinh doanh hàng năm của Công ty và đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị.
- c) Các lợi ích khác được Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 12. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

12.1. Vai trò của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, tổ chức thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Tổng Giám đốc theo quy định pháp luật và Điều lệ.

12.2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Ngoài các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Khoản 3, Điều 37 của Điều lệ, Quy chế này, và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị còn có các quyền và nghĩa vụ dưới đây:

- a) Bổ nhiệm và miễn nhiệm thành viên Ban Giám đốc theo Quy chế hoạt động của Ban Giám đốc và phù hợp với chiến lược phát triển và văn hoá của Công ty;
- b) Hỗ trợ thành viên Ban Giám đốc trong việc nâng cao năng lực và ra các quyết định quan trọng, phối hợp và giám sát hiệu quả hoạt động của thành viên Ban Giám đốc;

- c) Xác định chính sách lương thưởng, tổng ngân sách và khung tiền lương, tiền thưởng của thành viên Ban Giám đốc;
- d) Ban hành và điều chỉnh khung quản trị công ty; cập nhật thông tin về thông lệ mới trong quản trị công ty và áp dụng những nguyên tắc này vào chính sách quản trị công ty;
- e) Thiết lập cơ cấu thù lao và tiền thưởng của thành viên Hội đồng quản trị phù hợp với hiệu quả hoạt động;
- f) Thúc đẩy văn hóa quản trị công ty theo thông lệ tốt trong Công ty và giám sát tính hiệu quả của văn hóa đó;
- g) Thành lập và xây dựng cơ chế để các Ủy ban chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị hoạt động một cách độc lập;
- h) Thiết lập các quy trình giúp quản trị Công ty hiệu quả và hoạt động Hội đồng quản trị hiệu quả;
- i) Thiết lập hệ thống quản lý rủi ro toàn doanh nghiệp và khung quản lý rủi ro an ninh mạng, kỹ thuật số và trí tuệ nhân tạo; giám sát và đánh giá độc lập hệ thống quản lý rủi ro toàn doanh nghiệp và hệ thống quản lý khủng hoảng;
- j) Tích hợp hiệu quả các vấn đề về môi trường, xã hội, quản trị (“ESG”) và quản lý rủi ro vào chiến lược phát triển dài hạn của Công ty;
- k) Xây dựng và duy trì văn hoá doanh nghiệp làm nền tảng cho phát triển bền vững của Công ty;
- l) Cung cấp đầy đủ và chính xác thông tin cho các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện công việc của mình;
- m) Đưa ra các quyết định một cách độc lập, khách quan, hiệu quả và tránh xung đột lợi ích trên các phương diện của Công ty;
- n) Đánh giá hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;
- o) Thiết lập các quy tắc rõ ràng để tôn trọng quyền và lợi ích của các bên hữu quan và giám sát việc thực hiện các nguyên tắc này;
- p) Xây dựng chương trình định hướng toàn diện và hiệu quả, phát triển năng lực liên tục cho các thành viên Hội đồng quản trị; và
- q) Thiết lập các nguyên tắc quản trị công ty trong Nhóm Công Ty; tổ chức triển khai, phổ biến và hướng dẫn áp dụng các nguyên tắc quản trị công ty trong Nhóm Công Ty.

12.3. Hội đồng quản trị được ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền theo quy định tại Khoản 6, Điều 37 của Điều lệ.

Điều 13. Chủ tịch Hội đồng quản trị

13.1. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu trong số các thành viên Hội đồng quản trị; và bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc thay thế theo quy định tại Khoản 2, Điều 10 của Quy chế này.

13.2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngoài các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Khoản 2, Điều 39 của Điều lệ, Quy chế này, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ dưới đây:

- a) Điều hành các hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Đánh giá và quản lý ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức công tác chuẩn bị để Hội đồng quản trị đánh giá hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, của các thành viên Hội đồng quản trị và của các Ủy ban, Tiểu Ban và Ban thuộc Hội đồng quản trị;
- d) Phê duyệt các vấn đề liên quan đến Văn phòng Hội đồng quản trị theo sự ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở cơ cấu, nhân sự, tiền lương và ngân sách hoạt động của Văn phòng Hội đồng quản trị;
- e) Định hướng các hoạt động xây dựng văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh của Công ty;
- f) Đại diện Công ty trao đổi, làm việc với các bên hữu quan phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ;
- g) Định hướng, theo dõi, đôn đốc các hoạt động của Ủy ban, Tiểu ban và Ban thuộc Hội đồng quản trị; và
- h) Tổ chức hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị và tổ chức hoạt động hỗ trợ của Hội đồng quản trị cho thành viên Ban Giám đốc.

13.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền theo quy định tại điểm i, Khoản 2, Điều 39 của Điều lệ. Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có thời hạn cho một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các công việc của Chủ tịch Hội đồng quản trị khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt và thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị nhận ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền tại Điều này có nghĩa vụ báo cáo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc thực hiện các công việc được ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền theo quy định của Quy chế này và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 14. Thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp

14.1. Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị tổ chức họp tối thiểu sáu (06) lần trong một năm, bảo đảm ít nhất mỗi quý họp một (01) lần. Hội đồng quản trị có thể họp bất thường theo trình tự được quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

- 14.2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường
- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi xảy ra các trường hợp được quy định tại Khoản 3, Điều 42 của Điều lệ.
- 14.3. Trình tự, thủ tục triệu tập, tổ chức họp Hội đồng quản trị và thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp được thực hiện theo Điều 42 của Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến, trực tiếp kết hợp trực tuyến hoặc các hình thức họp khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 14.4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của chủ thể khác
- Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị có quyền quyết định mời người khác tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị. Người được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị có quyền thảo luận nếu được chủ tọa cho phép và nội dung thảo luận phải liên quan đến cuộc họp, được nêu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
- 14.5. Ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị
- Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác dự họp và biểu quyết. Trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền cho người không phải thành viên Hội đồng quản trị dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị thì phải được tất cả thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành hoặc không có bất kỳ ý kiến phản đối nào.
- 14.6. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị
- Nghị quyết Hội đồng quản trị được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, và những nghị quyết nào thuộc diện phải công bố thông tin sẽ được công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin và Điều lệ.
- 14.7. Cuộc họp trao đổi chuyên môn
- Tùy thuộc vào nhu cầu quản lý và điều hành Công ty, Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Ban Giám đốc có thể tổ chức các cuộc trao đổi về chuyên môn hoặc giải quyết các vấn đề của Công ty.
- Để tránh hiểu nhầm, cuộc họp tại Khoản này không được xem là cuộc họp Hội đồng quản trị chính thức để ban hành nghị quyết Hội đồng quản trị hay biểu quyết thông qua vấn đề nào.

Điều 15. Thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

- 15.1. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị được thực hiện theo Điều 43 của Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

- 15.2. Nghị quyết Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức họp lệ.

CHƯƠNG IV

CÁC ỦY BAN, TIỂU BAN VÀ BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, VÀ CÁC BỘ PHẬN GIÚP VIỆC KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Nguyên tắc hoạt động của các Ủy ban, Tiểu ban và Ban thuộc Hội đồng quản trị

16.1. Số lượng và nhiệm kỳ

- a) Số lượng thành viên các Ủy ban, Tiểu ban và Ban do Hội đồng quản trị quyết định, và tuân thủ quy định tại Khoản 2, Điều 41 của Điều lệ.
Thành viên của các Ủy ban, Tiểu ban và Ban do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và phải có sự cân bằng về chuyên môn, năng lực và giới tính.
- b) Trưởng Ủy ban, Tiểu ban và Ban phải là thành viên Hội đồng quản trị.
- c) Nhiệm kỳ của thành viên các Ủy ban, Tiểu ban và Ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng không quá năm (05) năm, và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- 16.2. Hội đồng quản trị sẽ quy định cụ thể cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của các thành viên, cách thức tổ chức họp và biểu quyết, thù lao, đánh giá hiệu quả hoạt động, quyền hạn và nghĩa vụ, và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của các Ủy ban, Tiểu ban và Ban, thành viên của các Ủy ban, Tiểu ban và Ban.

- 16.3. Ủy ban, Tiểu ban và Ban tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần. Ủy ban, Tiểu ban và Ban phải ghi biên bản họp và thống nhất ý kiến, đưa ra kết luận theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ủy ban, Tiểu ban và Ban để thực hiện.

- 16.4. Hội đồng quản trị quyết định ngân sách hoạt động hàng năm của Ủy ban, Tiểu ban và Ban.

Theo quyết định của Hội đồng quản trị, tiền thưởng, thù lao và các lợi ích khác (nếu có) của thành viên Ủy ban, Tiểu ban và Ban có thể được xem là chi phí vận hành của Công ty.

Điều 17. Ủy ban kiểm toán

17.1. Vai trò của Ủy ban kiểm toán

- a) Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị.
- b) Tùy thuộc vào tình hình hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị có quyền bổ sung các chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán.

17.2. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 46 của Điều lệ, Quy chế này, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

17.3. Số lượng và nhiệm kỳ thành viên Ủy ban kiểm toán

- a) Số lượng thành viên kiểm toán tuân thủ quy định tại Khoản 2, Điều 45 của Điều lệ.
- b) Nhiệm kỳ của thành viên Ủy ban kiểm toán được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị ban hành.

17.4. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

- a) Chủ tịch Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- b) Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán được Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề xuất của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

17.5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ủy ban kiểm toán

Hội đồng quản trị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên Ủy ban kiểm toán vào bất kỳ thời điểm nào hoặc theo đề xuất của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Việc miễn nhiệm và bãi nhiệm này sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

17.6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ủy ban kiểm toán

Thành viên Ủy ban kiểm toán phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Điều 45 của Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

17.7. Thù lao, chi phí hoạt động của Ủy ban kiểm toán

- a) Tổng mức thù lao và tiền thưởng cho Ủy ban kiểm toán sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và nằm trong ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị.
- b) Chi phí hoạt động của Ủy ban kiểm toán, tiền lương, phụ cấp và lợi ích khác (nếu có) của nhân sự khác trong Ủy ban kiểm toán được thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

17.8. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác phù hợp với quy định pháp luật.

17.9. Trình tự, thủ tục triệu tập, tổ chức họp và thông qua quyết định của Ủy ban kiểm toán được thực hiện theo Điều 47 của Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán quyết định hình thức tổ chức cuộc họp Ủy ban kiểm toán và phương thức biểu quyết tương ứng, đồng thời ban hành quy định hướng dẫn đăng ký dự họp và bỏ phiếu điện tử tại cuộc họp Ủy ban kiểm toán, gửi tài liệu và phiếu biểu quyết bằng phương thức điện tử trong trường hợp lấy ý kiến thành viên Ủy ban kiểm toán bằng văn

bản, truy cập, nhận hoặc tải tài liệu, và các vấn đề khác liên quan đến phương thức điện tử.

17.10. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán quyết định hình thức tổ chức cuộc họp của Ủy ban kiểm toán. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán được tổ chức theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

Điều 18. Các Ủy ban, Tiểu ban và Ban khác thuộc Hội đồng quản trị

18.1. Hội đồng quản trị có quyền thành lập các Ủy ban, Tiểu ban và/hoặc Ban khác tham mưu độc lập và tư vấn chuyên môn cho Hội đồng quản trị, đồng thời hỗ trợ Hội đồng quản trị trong hoạt động quản lý Nhóm Công Ty, bao gồm nhưng không chỉ ở giới hạn ở:

- a) Ủy ban Chiến lược và Tài chính: hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc quản lý chiến lược phát triển dài hạn và quản lý chiến lược tài chính của Công ty;
- b) Ủy ban Môi trường – Xã hội – Quản trị (Ủy ban ESG): hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc định hướng và giám sát triển khai các tuyên bố và chiến lược về môi trường, xã hội, quản trị của Công ty, và bảo đảm các chính sách môi trường, xã hội, quản trị của Công ty tuân thủ các quy định, tạo ra giá trị dài hạn cho Cổ đông và các bên hữu quan;
- c) Ủy ban Nguồn nhân lực: hỗ trợ Hội đồng quản trị trong các công việc liên quan đến con người và văn hoá của Công ty, xây dựng quy trình kế nhiệm, bảo đảm chất lượng và tính liên tục của nhân sự cấp cao, và bảo đảm các định hướng về văn hoá doanh nghiệp và chính sách nhân sự được triển khai trong Công ty; và
- d) Các Ủy ban, Tiểu ban và/hoặc Ban khác khi xét thấy cần thiết.

Để làm rõ, tên của các Ủy ban, Tiểu ban, Ban có thể được thay đổi theo quyết định của Hội đồng quản trị để phù hợp với quá trình hoạt động của Công ty.

18.2. Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động tương ứng với các Ủy ban, Tiểu ban và/hoặc Ban nêu trên tại thời điểm thành lập Ủy ban, Tiểu ban và/hoặc Ban.

Điều 19. Văn phòng Hội đồng quản trị, các cơ quan và bộ phận giúp việc khác

19.1. Hội đồng quản trị thành lập Văn phòng Hội đồng quản trị, các cơ quan hoặc bộ phận giúp việc khác để hỗ trợ cho Hội đồng quản trị, các Ủy ban chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị, và các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình.

19.2. Tiền lương, thù lao và các khoản phúc lợi khác của nhân sự làm việc tại Văn phòng Hội đồng quản trị, các cơ quan hoặc bộ phận giúp việc khác của Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 20. Người phụ trách quản trị công ty

- 20.1. Hội đồng quản trị của Công ty bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty, tư vấn cho Hội đồng quản trị và các Ủy ban, Tiểu ban và Ban thuộc Hội đồng quản trị. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm Thư ký công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 20.2. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Khoản 3, Điều 54 của Điều lệ.
- 20.3. Hội đồng quản trị miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- a) Không còn đủ tiêu chuẩn làm người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Khoản 2, Điều 54 của Điều lệ;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong vòng ba (03) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty theo quy định pháp luật, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d) Gửi đơn từ nhiệm bằng văn bản đến Hội đồng quản trị và được chấp thuận; hoặc
 - e) Theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 20.4. Việc bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 20.5. Hội đồng quản trị có quyền thành lập bộ phận phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Khoản 4, Điều 54 của Điều lệ.

CHƯƠNG V

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Điều 21. Tổng Giám đốc

21.1. Vai trò của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

21.2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

Ngoài các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, Điều 50 của Điều lệ, các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty và nghị quyết Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có các quyền, nghĩa vụ sau:

- a) Đề xuất số lượng và chức danh các thành viên Ban Giám đốc, người đại diện theo uỷ quyền của Công ty tại các tổ chức khác để Hội đồng quản trị tuyển dụng, bổ nhiệm; tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định tổng mức lương, thù lao, thưởng, các lợi ích khác của các thành viên Ban Giám đốc; đề xuất Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Ban Giám đốc.
 - b) Giám sát hoạt động của thành viên Ban Giám đốc theo quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban Giám đốc.
 - c) Tuân thủ các nghĩa vụ theo quy định tại hợp đồng ký với Công ty.
- 21.3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc
- Tổng Giám đốc được bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo điểm a, Khoản 3, Điều 22 của Quy chế này.
- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hoặc chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc phải tuân thủ quy định pháp luật.
- 21.4. Ủy quyền, phân quyền và giao quyền của Tổng Giám đốc
- Tổng Giám đốc có quyền ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho các thành viên Ban Giám đốc hoặc một số chủ thể khác thực hiện một hoặc một số công việc của Tổng Giám đốc phù hợp với quy định pháp luật.
- 21.5. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Giám đốc
- a) Tổng Giám đốc quyết định phạm vi công việc, tiền lương, thưởng và các vấn đề khác liên quan đến các thành viên Ban Giám đốc.
 - b) Các thành viên Ban Giám đốc chịu trách nhiệm hỗ trợ và giúp việc cho Tổng Giám đốc, hỗ trợ điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, quản lý các khoản đầu tư của Công ty tại các công ty khác và thực hiện các công việc khác thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo sự ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền của Tổng Giám đốc.
 - c) Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Giám đốc thực hiện và tuân thủ các nội dung khác theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban Giám đốc.

Điều 22. Ban Giám đốc

22.1 Thành phần Ban Giám đốc

Ban Giám đốc gồm Tổng Giám đốc và các nhân sự quản lý khác (i) do Tổng Giám đốc lựa chọn và đề xuất Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc (ii) do Tổng Giám đốc bổ nhiệm theo sự chấp thuận của Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm.

22.2 Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Giám đốc

- a) Tổng Giám đốc phải tuân thủ các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Khoản 2, Điều 49 của Điều lệ.

- b) Các thành viên của Ban giám đốc phải tuân thủ các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Quy chế hoạt động của Ban Giám đốc.

22.3 Bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban Giám đốc

- a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm theo quy định tại Điều 51 của Điều lệ.
- b) Các thành viên Ban Giám đốc do (i) Tổng Giám đốc lựa chọn và đề xuất Hội đồng quản trị bổ nhiệm và (ii) do Tổng Giám đốc bổ nhiệm theo sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.
- c) Các thành viên Ban Giám đốc bị miễn nhiệm theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban Giám đốc.

22.4 Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Giám đốc

Thành viên Ban Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Quy chế hoạt động của Ban Giám đốc và nghị quyết Hội đồng quản trị.

22.5 Tiền lương, tiền thưởng, thù lao của thành viên Ban Giám đốc

- a) Tổng Giám đốc quyết định tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các lợi ích khác (nếu có) của các thành viên Ban Giám đốc dựa trên tổng mức tiền lương, thưởng đã được Hội đồng quản trị phê duyệt và phù hợp với khung lương, thưởng và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- b) Theo quyết định của Hội đồng quản trị, tiền thưởng, thù lao và các lợi ích khác (nếu có) của thành viên Ban Giám đốc có thể được xem là chi phí vận hành của Công ty.

22.6 Đánh giá hiệu quả hoạt động

Định kỳ hàng năm, Hội đồng quản trị đánh giá hiệu quả hoạt động của Tổng Giám đốc, và Tổng Giám đốc đánh giá hiệu quả hoạt động của các thành viên Ban Giám đốc và báo cáo hoặc thông báo với Hội đồng quản trị theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban Giám đốc.

CHƯƠNG VI

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ MỘT SỐ CHỦ THỂ KHÁC

Điều 23. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và các thành viên Ban Giám đốc

23.1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán

- a) Hội đồng quản trị bảo đảm Ủy ban kiểm toán có đầy đủ các nguồn lực và thẩm quyền để rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro, giám sát kiểm toán nội bộ và thực hiện các công việc khác thuộc phạm vi hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

- b) Ủy ban kiểm toán lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm của mình.
- c) Trong trường hợp có sự mâu thuẫn về ý kiến giữa Ủy ban kiểm toán và các thành viên Ban Giám đốc thì Ủy ban kiểm toán kiến nghị Hội đồng quản trị giải quyết và quyết định.

23.2. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc, các thành viên Ban Giám đốc

- a) Hội đồng quản trị phải nghiên cứu và chỉ đạo thành viên Ban Giám đốc phối hợp xây dựng kế hoạch củng cố, chấn chỉnh dựa trên các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo kiểm tra của Ủy ban kiểm toán. Hội đồng quản trị có thể đề xuất biện pháp xử lý đối với các đơn vị và cá nhân liên quan nếu không khắc phục các sai sót, vi phạm sau khi Ủy ban kiểm toán kiểm tra, giám sát.
- b) Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của thành viên Ban Giám đốc.
- c) Tổng Giám đốc hoặc thành viên Ban Giám đốc được Tổng Giám đốc uỷ quyền chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- d) Hội đồng quản trị không can thiệp và gây cản trở công tác điều hành của thành viên Ban Giám đốc. Khi thành viên Ban Giám đốc ra quyết định hay ký bất kỳ văn bản nào gây ra hoặc tiềm ẩn xung đột lợi ích, không vì lợi ích tốt nhất của Công ty, hoặc trái quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế này, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty hoặc nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có quyền quyết định lại, phủ quyết và/hoặc thay đổi các quyết định hoặc văn bản này, và xem xét trách nhiệm của thành viên Ban Giám đốc đó, đồng thời tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết để yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu hành động của thành viên Ban Giám đốc gây thiệt hại cho Công ty.
- e) Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cung cấp thông tin nhanh chóng, kịp thời, đầy đủ và chính xác theo yêu cầu hợp lý của bên còn lại để bảo đảm tiến độ hoạt động của Công ty theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Giám đốc.

23.3. Phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán và Tổng Giám đốc, các thành viên Ban Giám đốc

- a) Thành viên Ban Giám đốc có nghĩa vụ tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ủy ban kiểm toán tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Ban Giám đốc để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh và uy tín của Công ty, thành viên Ban Giám đốc phải kịp thời

báo cáo bằng văn bản cho Ủy ban kiểm toán.**Điều 24. Phối hợp hoạt động giữa các Ủy ban, Tiểu ban và Ban khác của Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc**

- 24.1. Các Ủy ban, Tiểu ban và Ban khác của Hội đồng quản trị không can thiệp và gây cản trở hoạt động của thành viên Ban Giám đốc.
- 24.2. Thành viên Ban Giám đốc có trách nhiệm cung cấp thông tin và tài liệu theo yêu cầu hợp lý của Ủy ban, Tiểu ban hoặc Ban thuộc Hội đồng quản trị, tạo điều kiện để các Ủy ban, Tiểu ban hoặc Ban làm việc với các cá nhân, đơn vị về các lĩnh vực mà Ủy ban, Tiểu ban hoặc Ban được giao nhiệm vụ.
- 24.3. Ủy ban, Tiểu ban và Ban thuộc Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc trao đổi chuyên môn định kỳ hàng quý với các thành viên Ban Giám đốc. Tùy thuộc vào tính chất vấn đề trao đổi, Ban Giám đốc hoặc Ủy ban, Tiểu ban, Ban có quyền mời thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc trao đổi này.
- 24.4. Các thành viên Ban Giám đốc có quyền từ chối thực hiện những đề nghị của các Ủy ban, Tiểu ban và Ban thuộc Hội đồng quản trị nếu thấy trái quy định pháp luật, trái Điều lệ, Quy chế này, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị, hoặc đi ngược với lợi ích của Công ty, đồng thời thông báo ngay với Hội đồng quản trị.

Điều 25. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và hội đồng quản trị/hội đồng thành viên của công ty con

- 25.1. Hội đồng quản trị, đại diện Công ty với tư cách là chủ sở hữu, định hướng và quyết định cơ cấu quản trị đối với các công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc thành viên góp vốn đối với công ty con theo quy định pháp luật, Điều lệ, điều lệ công ty con và/hoặc thỏa thuận với công ty con.
- 25.2. Hội đồng quản trị/hội đồng thành viên của công ty con báo cáo hoặc xin chấp thuận Hội đồng quản trị của Công ty, và Hội đồng quản trị của Công ty chấp thuận các vấn đề liên quan đến công ty con, theo cơ chế phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ, điều lệ công ty con và/hoặc thỏa thuận với công ty con.
- 25.3. Hội đồng quản trị ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho Tổng Giám đốc phối hợp với người quản lý doanh nghiệp, người điều hành doanh nghiệp của công ty con để quản lý hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty con theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, điều lệ công ty con và/hoặc thỏa thuận với công ty con.

Điều 26. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác

- 26.1. Hội đồng quản trị cử người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải có đầy đủ nội dung quy định tại Khoản 4, Điều 14 của Luật Doanh nghiệp.

26.2. Hoạt động của người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác được thực hiện theo quy định tại Điều 71 của Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 27. Khen thưởng và kỷ luật

27.1. Hàng năm, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban, Tiểu ban và Ban thuộc Hội đồng quản trị.

27.2. Hình thức khen thưởng và kỷ luật được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII

CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

Điều 28. Các hoạt động giám sát

28.1 Hội đồng quản trị trực tiếp giám sát, thuê đơn vị tư vấn độc lập giám sát hoặc ủy quyền, giao quyền hoặc phân quyền cho Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, Ủy ban, Tiểu ban hoặc Ban khác thuộc Hội đồng quản trị và một số chủ thể khác giám sát các hoạt động của Công ty theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Quá trình giám sát phải phối hợp và tương tác với chủ thể được giám sát, bảo đảm thông tin nhận được từ hai chiều.

28.2 Hội đồng quản trị không can thiệp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban, Tiểu ban và Ban, Tổng Giám đốc và thành viên Ban Giám đốc, trừ trường hợp hoạt động này trái quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế này và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

28.3 Hội đồng quản trị quy định chi tiết các chủ thể được giám sát, các phương diện giám sát, tần suất giám sát tương ứng, cơ chế và phương thức giám sát.

28.4 Đánh giá kết quả giám sát

Hội đồng quản trị phải có ý kiến về kết quả giám sát các hoạt động nêu tại Khoản 1 Điều này, từ đó đánh giá và đưa phương hướng xử lý, chấn chỉnh kịp thời các sai phạm (nếu có).

28.5 Ngân sách cho hoạt động giám sát

Hội đồng quản trị phân bổ ngân sách cho hoạt động giám sát từ ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị phù hợp với các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG VIII

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 29. Công bố thông tin Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, minh bạch và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình tài chính, phát triển bền vững, quyền sở hữu và quản trị công ty, các giao dịch với bên liên quan, các thông tin trọng yếu về rủi ro, cơ hội và tác động đáng kể về môi trường - xã hội và biến đổi khí hậu, phương thức quản lý rủi ro liên quan đến môi trường và xã hội, khí hậu của Công ty và các thông tin doanh nghiệp khác, bao gồm báo cáo phát triển bền vững, được kết nối và trình bày nhất quán, theo chuẩn mực phổ biến, và có thể so sánh được với thị trường cho Cổ đông và công chúng.

- 29.2 Công ty công bố thông tin thông qua việc sử dụng các kênh và công cụ truyền thông đa dạng, tiếp cận dễ dàng, bình đẳng và hiệu quả; đồng thời bảo đảm thực hiện hiệu quả các cơ chế đối thoại trực tiếp với Cổ đông và các bên hữu quan.
- 29.3 Nguyên tắc công bố thông tin minh bạch và hiệu quả được quy định chi tiết tại Quy chế công bố thông tin của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IX

QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN HỮU QUAN

Điều 30. Nguyên tắc quan hệ với các bên hữu quan

- 30.1 Công ty chủ trì việc soạn thảo và ban hành các quy định về cung cấp thông tin và tài liệu cho các bên hữu quan (đối tác, khách hàng, nhà thầu và các chủ thể có mối quan hệ với Công ty), thiết lập các quy tắc rõ ràng, minh bạch theo luật định hoặc thoả thuận song phương, phù hợp với Điều lệ, Quy chế này, các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty để tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên hữu quan, bảo vệ và thúc đẩy sự tham gia hiệu quả của các bên hữu quan; hạn chế khả năng xảy ra tranh chấp; và giám sát việc thực hiện các quy tắc này.
- 30.2 Hội đồng quản trị ban hành các quy định cụ thể về cơ chế đối thoại giữa Công ty và các bên hữu quan, đồng thời giám sát cơ chế này để bảo đảm ý kiến của các bên hữu quan được chuyển đến Hội đồng quản trị một cách nhanh chóng, đầy đủ và chính xác. Từng nhóm bên liên quan sẽ có từng phương thức tiếp cận khác nhau, dựa trên mức độ ưu tiên và quyền lợi có liên quan.
- 30.3 Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng và duy trì các chính sách dài hạn và ngắn hạn về chia sẻ lợi ích cho người lao động theo hướng cân bằng giữa lợi ích của Công ty, Cổ đông và người lao động, và phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG X

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Điều 31. Xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp

- 31.1 Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng văn hoá doanh nghiệp, bảo đảm Công ty đề cao và triển khai các hoạt động xây dựng văn hoá doanh nghiệp làm nền tảng cho sự thành công lâu dài và phát triển bền vững của Công ty.
- 31.2 Công ty công bố, triển khai phù hợp và hiệu quả Bộ Quy tắc Đạo đức Kinh doanh và các chính sách nội bộ phù hợp với văn hoá doanh nghiệp của Công ty; đồng thời đảm bảo Bộ Quy tắc Đạo đức Kinh doanh được đánh giá và cập nhật để phù hợp với bối cảnh của Công ty.
- 31.3 Hội đồng quản trị bảo đảm áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức kinh doanh vào hoạt động quản lý và điều hành Công ty, đồng thời bảo đảm các thành viên Hội đồng Quản trị là những người tiên phong làm gương về văn hoá doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh.

Điều 32. Khung quản trị ESG

- 32.1 Hội đồng quản trị xây dựng khung quản trị ESG theo thông lệ tốt và phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Công ty; và bảo đảm các yếu tố về môi trường, xã hội và quản trị được tích hợp vào chiến lược phát triển dài hạn và hoạt động hàng ngày của Công ty.
- 32.2 Hội đồng quản trị tích hợp các rủi ro liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị vào hệ thống quản lý rủi ro toàn Công ty; đồng thời giám sát chặt chẽ các rủi ro này.
- 32.3 Hội đồng quản trị giám sát việc thực thi khung quản trị ESG và bộ phận phụ trách về ESG.
- 32.4 Báo cáo phát triển bền vững của Công ty phải bao gồm các thông tin liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị. Công ty bảo đảm thiết lập cơ chế đối thoại hiệu quả với các bên hữu quan liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị.

CHƯƠNG XI

QUẢN TRỊ RỦI RO

Điều 33. Nguyên tắc quản trị rủi ro

- 33.1 Hội đồng quản trị có trách nhiệm tích hợp quản lý rủi ro vào chiến lược phát triển dài hạn và khung quản lý rủi ro của Công ty, đồng thời giám sát việc hình thành và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty.
- 33.2 Hội đồng quản trị định hướng xây dựng khung quản lý rủi ro toàn doanh nghiệp và xác định khẩu vị rủi ro, đồng thời giám sát việc tích hợp các nguyên

tác quản lý rủi ro vào chính sách, quy định, thủ tục, quy trình quản lý của Công ty và giám sát việc cải tiến hệ thống quản lý rủi ro toàn doanh nghiệp.

- 33.3 Hội đồng quản trị thành lập các chức năng kiểm toán nội bộ, giám sát rủi ro và tuân thủ để nhận dạng, đánh giá và giảm thiểu rủi ro xuống mức phù hợp với khẩu vị của Công ty, đồng thời bảo đảm đủ nguồn lực và quyền hạn cần thiết cho tuyến phòng vệ này thực hiện nhiệm vụ và thúc đẩy quản lý rủi ro hiệu quả.

Đơn vị kiểm toán nội bộ cần bảo đảm tính khách quan và tư vấn độc lập để gia tăng giá trị và cải tiến hoạt động của Công ty.

- 33.4 Hội đồng quản trị quyết định chiến lược và hệ thống quản lý rủi ro toàn diện.

Điều 34. Giám sát và đánh giá độc lập hệ thống quản lý rủi ro

- 34.1 Hội đồng quản trị giám sát hệ thống quản lý rủi ro toàn doanh nghiệp, bảo đảm các hoạt động quản lý rủi ro không chỉ phù hợp với khẩu vị rủi ro của Công ty mà còn hỗ trợ Công ty quản lý chiến lược tốt hơn.

- 34.2 Với sự hỗ trợ của Ủy ban kiểm toán và đơn vị quản lý rủi ro, Hội đồng quản trị định kỳ tiến hành đánh giá độc lập về hệ thống quản lý rủi ro toàn doanh nghiệp để bảo đảm hệ thống này luôn hoạt động hiệu quả và phù hợp với các yêu cầu về quản trị công ty.

- 34.3 Hội đồng quản trị thiết lập các tiêu chí và quy trình cụ thể cho việc lựa chọn kiểm toán độc lập, bảo đảm kiểm toán độc lập có đủ tiêu chuẩn năng lực và uy tín; đánh giá chất lượng công việc của kiểm toán độc lập; và thiết lập các thủ tục giám sát việc thực hiện các khuyến nghị do kiểm toán độc lập đưa ra.

- 34.4 Hội đồng quản trị bảo đảm Công ty thực hiện chương trình đào tạo định kỳ cho tất cả nhân viên về nhận diện và quản lý rủi ro; đồng thời định hướng phát triển và coi trọng văn hóa quản lý rủi ro trong toàn Công ty.

- 34.5 Hội đồng quản trị thiết lập cơ chế truyền thông và báo cáo rủi ro, theo nhu cầu của Hội đồng quản trị, giữa Ban Giám đốc với Hội đồng quản trị cho phép nhân viên và các bên liên quan báo cáo sớm các rủi ro và sai phạm để nhận biết và xử lý kịp thời; đồng thời bảo đảm Công ty thiết lập và giám sát việc thực hiện hệ thống quản lý khủng hoảng.

CHƯƠNG XII

VAI TRÒ CỦA CÔNG TY TRONG NHÓM CÔNG TY

Điều 35. Quản lý công ty con, công ty liên kết

- 35.1 Hội đồng quản trị quyết định và thực hiện, hoặc ủy quyền, phân quyền hoặc giao quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại tổ chức khác, cá nhân hoặc tổ chức khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông, chủ sở hữu, thành viên góp vốn tại các

công ty con, công ty liên kết của Công ty theo quy định pháp luật, Điều lệ, các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, điều lệ của công ty con, công ty liên kết.

- 35.2 Việc giám sát, quản lý hoạt động của công ty con, công ty liên kết được thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, và các thỏa thuận giữa Công ty với các công ty con, công ty liên kết.

CHƯƠNG XIII

ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 36. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

- 36.1 Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
- 36.2 Trường hợp có các quy định pháp luật có liên quan đến quản trị công ty nhưng chưa được đề cập trong Quy chế này thì các quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng, hoặc trong trường hợp Điều lệ khác với các quy định trong Quy chế này thì Điều lệ đương nhiên được áp dụng.

Điều 37. Điều khoản thi hành

- 37.1. Quy chế này gồm 13 Chương, 37 Điều được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày __ tháng __ năm 2026. Quy chế này thay thế và hủy bỏ Quy chế nội bộ về quản trị công ty đã ban hành ngày 26 tháng 04 năm 2025.
- 37.2. Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, thành viên Ban Giám đốc, và những người có liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CAO THỊ NGỌC DUNG